

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**
 Địa chỉ : 86 Trần Trọng Cung - P. T.T. Đông - Q7
 Điện thoại: 7.732889 Fax: 7.732890

Mẫu số B01-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

TÀI SẢN	mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý I/2010	Số đầu năm
1	2		4	3
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		97.231.485.266	117.900.158.389
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.567.913.804	51.865.981.793
1. Tiền	111		14.567.913.804	18.865.981.793
2. Các khoản tương đương tiền	112			33.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	18.646.100.000	4.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18.646.100.000	4.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.771.995.491	47.662.088.341
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	34.466.714.921	40.986.016.793
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	6.666.042.800	5.623.971.750
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1.746.474.570	1.159.336.598
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn	139		(107.236.800)	(107.236.800)
IV. Hàng tồn kho	140		11.500.612.554	11.857.113.530
1. Hàng tồn kho	141	V.6	11.500.612.554	11.857.113.530
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.7	9.744.863.417	2.514.974.725
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		437.132.315	935.094.884
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		0	0
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.307.731.102	1.579.879.841
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.858.723.393	4.189.575.369
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

II. Tài sản cố định	220		2.136.425.511	2.246.048.607
1. Tài sản cố định	221	V.8	1.145.041.203	1.254.664.299
- Nguyên giá	222		2.420.453.352	2.420.453.352
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.275.412.149)	(1.165.789.053)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	991.384.308	991.384.308
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30.716.210.000	1.912.600.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	30.716.210.000	1.912.600.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.087.882	30.926.762
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	6.087.882	30.926.762
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		130.090.208.659	122.089.733.758

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý I/2010	Số đầu năm
5	6			7
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.259.990.452	24.165.361.453
I. Nợ ngắn hạn	310		12.259.990.452	24.165.361.453
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		0	0
2. Phải trả người bán	312	V.12	3.656.367.691	11.987.119.119
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	1.071.431.585	4.246.331.098
4. Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	314	V.14	5.289.394.561	3.686.325.884
5. Phải trả người lao động	315	V.15	1.243.214.300	1.595.432.800
6. Chi phí phải trả	316	V.16	616.380.457	2.311.806.995
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.17	361.601.858	318.895.557
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	21.600.000	19.450.000
II. Nợ dài hạn	330		0	0
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.830.218.207	97.924.372.305
I. Vốn chủ sở hữu	410		117.830.218.207	97.924.372.305
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	47.439.330.000	47.439.330.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	38.653.448.000	30.641.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.19	(2.131.840.000)	(6.051.840.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.19	6.091.336.352	6.091.336.352
8. Quỹ tự phòng tài chính	418	V.19	672.587.253	672.587.253
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	27.105.356.602	19.131.458.700
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		130.090.208.659	122.089.733.758

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý I/2010	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại (USD)				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

K ế Toán trưởng

Ngày 19 tháng 04 năm 2010
Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THANH PHỈ

PHẠM ĐÌNH DŨNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ I / 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			QUÝ I/ 2010	QUÝ I/ 2009	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	18.395.579.656	8.937.834.520	18.395.579.656	8.937.834.520
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.1		-		-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	VI.1	18.395.579.656	8.937.834.520	18.395.579.656	8.937.834.520
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.288.035.738	7.601.032.105	7.288.035.738	7.601.032.105
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.107.543.918	1.336.802.415	11.107.543.918	1.336.802.415
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	814.685.870	1.660.123.977	814.685.870	1.660.123.977
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	66.095.303	6.835.358	66.095.303	6.835.358
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	840.244.583	894.723.199	840.244.583	894.723.199
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	384.026.033	338.962.318	384.026.033	338.962.318
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 +(21-22)- (24 + 25)]	30		10.631.863.869	1.756.405.517	10.631.863.869	1.756.405.517
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12. Chi phí khác	32		-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác (50=41-42)	40			-		-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.631.863.869	1.756.405.517	10.631.863.869	1.756.405.517
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.657.965.967	33.173.388	2.657.965.967	33.173.388
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		7.973.897.902	1.723.232.129	7.973.897.902	1.723.232.129
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.7	1.788	390	1.788	390

Kế toán trưởng

Lập ngày 19 tháng 4 năm 2010
 Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THANH PHỈ

PHẠM ĐÌNH DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LIÊN

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I/2010

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý I/ 2010	Quý I / 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.631.863.869	1.723.232.129
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		109.623.096	135.201.753
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.741.486.965	1.858.433.882
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(35.339.795.842)	1.279.742.709
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		356.500.976	235.728.306
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.066.462.641)	(3.595.115.925)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		24.838.880	51.286.467
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.496.874.327)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(10.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(38.780.305.989)	(179.924.561)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.646.100.000)	(18.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(28.803.610.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		33.000.000.000	15.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(10.449.710.000)	(3.000.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP.HCM

QUÝ I/2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý I/ 2010	Quý I / 2009
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	11.931.948.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(912.664.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	11.931.948.000	(912.664.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(37.298.067.989)	(4.092.588.561)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	51.865.981.793	7.077.078.562
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.567.913.804	2.984.490.001

Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 4 năm 2010

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THANH PHÍ

PHẠM ĐÌNH DŨNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

QUÝ I NĂM 2010

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	117.900.158.389	97.231.485.266
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	51.865.981.793	14.567.913.804
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	18.646.100.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	47.662.088.341	42.771.995.491
4	Hàng tồn kho	11.857.113.530	11.500.612.554
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.514.974.725	9.744.863.417
II	Tài sản dài hạn	4.189.575.369	32.858.723.393
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	2.246.048.607	2.136.425.511
	- Tài sản cố định hữu hình	1.254.664.299	1.145.041.203
	- Xây dựng cơ bản dở dang	991.384.308	991.384.308
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.912.600.000	30.716.210.000
5	Tài sản dài hạn khác	30.926.762	6.087.882
	Tổng tài sản	122.089.733.758	130.090.208.659
III	Nợ phải trả	24.165.361.453	12.259.990.452
1	Nợ ngắn hạn	24.165.361.453	12.259.990.452
2	Nợ dài hạn	0	0
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	97.924.372.305	117.830.218.207
1	Vốn chủ sở hữu	97.924.372.305	117.830.218.207
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	47.439.330.000	47.439.330.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	30.641.500.000	38.653.448.000
	- Cổ phiếu quỹ	(6.051.840.000)	(2.131.840.000)
	- Các quỹ	6.763.923.605	6.763.923.605
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.131.458.700	27.105.356.602
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	Tổng nguồn vốn	122.089.733.758	130.090.208.659

II- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Quý I/2010	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.395.579.656	18.395.579.656
2	Các khoản giảm trừ	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	18.395.579.656	18.395.579.656
4	Giá vốn hàng bán	7.288.035.738	7.288.035.738
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.107.543.918	11.107.543.918
6	Doanh thu hoạt động tài chính	814.685.870	814.685.870
7	Chi phí tài chính	66.095.303	66.095.303
8	Chi phí bán hàng	840.244.583	840.244.583
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	384.026.033	384.026.033
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.631.863.869	10.631.863.869
11	Thu nhập khác	-	-
12	Chi phí khác	-	-
13	Lợi nhuận khác	-	-
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	10.631.863.869	10.631.863.869
15	Thuế thu nhập phải nộp	2.657.965.967	2.657.965.967
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.973.897.902	7.973.897.902
17	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	1.788	1.788

Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 4 năm 2010

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THANH PHỈ

PHẠM ĐÌNH DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Q7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	15.000.000.000	150.000.000	-175.360.000	557.903.716	2.153.808.958	8.552.145.242	26.238.497.916
Tăng vốn trong năm trước	32.439.330.000	30.571.500.000		-	-	-1.767.830.000	61.243.000.000
Vốn giảm năm trước	-	-	(3.589.371.000)	-	-	.	(3.589.371.000)
Tăng quỹ đầu tư năm trước	-	-	-	-	-	-	0
Lợi nhuận tăng năm trước	-	-	-	-	-	1.378.209.944	1.378.209.944
Tăng lợi nhuận do dùng quỹ dự phòng				0	-		0
Chia cổ tức năm trước			-	-	-	(752.358.800)	(752.358.800)
Trích các quỹ	-	-	-	1.282.821.786	3.937.527.394	(6.031.956.442)	(811.607.262)
Số dư cuối năm trước	47.439.330.000	30.721.500.000	(3.764.731.000)	1.840.725.502	6.091.336.352	1.378.209.944	83.706.370.798
Số dư đầu năm 2010	47.439.330.000	30.721.500.000	(3.764.731.000)	1.840.725.502	6.091.336.352	1.378.209.944	83.706.370.798
Tăng vốn đến Quý I/2010			-	-	-	-	-
Vốn giảm đến Quý I/2010	-	(80.000.000)	(2.287.109.000)	(1.168.138.249)	-	-	(3.535.247.249)
Lợi nhuận đến Quý I/2010	-	-	-	-	-	17.753.248.756	17.753.248.756
Chia cổ tức đến Quý I/2010			-	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ LN	-	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối Quý I/2010	47.439.330.000	30.641.500.000	(6.051.840.000)	672.587.253	6.091.336.352	19.131.458.700	97.924.372.305

Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH PHỈ

TP.HCM, ngày 19 tháng 4 năm 2010

Tổng Giám đốc

PHẠM ĐÌNH DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2009

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán, dịch vụ, đại lý ký gởi: tư liệu tiêu dùng (đồ điện, điện tử, bách hoá và kim khí điện máy); Gia công lắp ráp máy điện thoại ấn phím dạng SKD và CKD; Mua bán sản phẩm tin học, thiết bị đầu cuối viễn thông; Sửa chữa, bảo trì các thiết bị bưu chính viễn thông, tin học, điện lạnh; Mua bán thiết bị, linh kiện ngành tin học và máy tính; Sản xuất, mua bán phần mềm tin học; Mua bán cáp, thiết bị viễn thông; Xây lắp các công trình bưu chính viễn thông; Thiết kế công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten); Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông; Dịch vụ tin học; Cung cấp dịch vụ internet (ISP).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 18 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2009

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2-3

6. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2009

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

10. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2009

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	174.859.288	213.606.329
Tiền gửi ngân hàng	14.393.054.516	51.652.375.464
Cộng	<u>14.567.913.804</u>	<u>51.865.981.793</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền cho vay ngắn hạn

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Dịch vụ viễn thông Sài Gòn	-	8.179.356.715
Công ty Điện thoại Đông thành phố Hồ Chí Minh	2.572.788.020	7.277.380.994
Công ty Cổ phần Thiết kế Xây lắp Viễn Đông	19.980.000.000	10.875.497.560
Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương	12.100.000	12.100.000
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	153.632.587	141.931.762
Công ty Điện thoại Tây Thành phố Hồ Chí Minh	541.587.324	667.276.745
Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai	-	1.965.630.700
FCRV-VIETNAM PTE.LTD	436.586.912	2.396.388.441
Các khách hàng khác	10.770.020.078	9.470.453.876
Cộng	<u>34.466.714.921</u>	<u>40.986.016.793</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2009

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Phú Yên	4.500.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Xây lắp Viễn Đông	1.000.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiến Việt	350.000.000	350.000.000
Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	358.192.800	358.192.800
Các nhà cung cấp khác	457.850.000	215.778.950
Cộng	<u>6.666.042.800</u>	<u>5.623.971.750</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	-	-
Phải thu khoản đầu tư góp vốn kinh doanh	600.000.000	600.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị tạm chi chờ quyết toán	302.400.100	302.400.100
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	135.000.000	135.000.000
Các khoản phải thu khác	121.936.498	121.936.498
Cộng	<u>1.159.336.598</u>	<u>1.159.336.598</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ dụng cụ	7.300.544	9.734.057
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.197.675.343	5.693.831.927
Thành phẩm	29.012.260	39.361.926
Hàng hóa	6.266.624.407	6.114.185.620
Cộng	<u>11.500.612.554</u>	<u>11.857.113.530</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	7.708.442.521	696.060.000
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.326.386.572	883.819.841
Chi phí trả trước ngắn hạn	272.902.009	-
Cộng	<u>9.307.731.102</u>	<u>1.579.879.841</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2009

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	770.159.923	1.441.707.642	208.585.787	2.420.453.352
Mua sắm mới trong Quý I/2010	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán trong năm Quý I/2010	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	770.159.923	1.441.707.642	208.585.787	2.420.453.352
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	77.596.045	158.004.250	174.301.782	409.902.077
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	351.399.285	611.823.398	202.566.370	1.165.789.053
Khấu hao trong Quý I/2010	-	53.278.454	53.487.642	2.857.000	109.623.096
Thanh lý, nhượng bán trong Quý I/2010	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	404.677.739	665.311.040	205.423.370	1.275.412.149
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	418.760.638	829.884.244	6.019.417	1.245.664.299
Số cuối năm	-	365.482.184	776.396.602	3.162.417	1.145.041.203

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong Quý I/2010	Số cuối Quý I/2010	Số cuối
Công trình nhà máy cấp quang	923.877.708	-	923.877.708	
Cộng	991.384.308	-	991.384.308	

10. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư mua cổ phiếu

	Số cuối Quý I/2010	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	567.600.000	567.600.000
Công ty Cổ phần Thiết kế xây lắp Viễn Đông	1.005.000.000	1.005.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)	18.263.610.000	
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)	8.800.000.000	
Công ty cổ phần Đạm Phú Mỹ (DPM)	1.740.000.000	
Cộng	30.716.210.000	1.912.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2009

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong quý</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Chi phí sửa chữa	6.434.982	-	(4.122.900)	2.312.082
Chi phí đánh giá chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001	7.551.600	-	(3.775.800)	3.775.800
Thuê kho	16.940.180	-	(16.940.180)	-
Cộng	30.926.762	-	(24.838.880)	6.087.882

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về mua thiết bị viễn thông, tin học	3.656.367.691	11.825.295.873
Phải trả dịch vụ khác	-	161.823.246
Cộng	3.656.367.691	11.987.119.119

13. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	1.071.431.585	4.246.331.098
Các khoản trả trước khác	-	-
Cộng	1.071.431.585	4.246.331.098

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong Quý I/2010</u>	<u>Số đã nộp trong Quý I/2010</u>	<u>Số cuối Quý I/2010</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	468.680.804	2.084.850.303	(1.607.708.906)	945.822.201
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	35.164.360	-	(35.164.360)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.082.531.423	2.657.965.967	(1.496.874.327)	4.343.572.360
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.533.670	(2.533.670)	-
Các loại thuế khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	3.586.376.587	4.752.349.940	(4.790.347.855)	5.289.394.561

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2009

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số cuối Quý I/2009</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.631.863.869	1.756.405.517
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(1.566.843.300)
Tổng thu nhập chịu thuế	10.631.863.869	189.562.217
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.657.965.967	47.390.554
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%	-	(14.217.166)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%</i>	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>2.657.965.967</u>	<u>33.173.388</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Lương còn phải trả người lao động

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tổng đài	-	105.035.000
Chi phí công trình	-	1.622.136.602
Dự phòng tổn thất giá trị công trình không thu được	571.138.838	571.138.838
Chi phí khác	45.241.619	13.496.555
Cộng	<u>616.380.457</u>	<u>2.311.806.995</u>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	22.087.286	7.081.058
Bảo hiểm xã hội	6.028.772	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	112.920.000	112.920.000
Cổ tức còn phải trả	178.941.496	180.246.996
Nhập tạm hàng hóa chưa có hóa đơn	41.455.674	18.548.186
Phải trả khác	168.630	99.317
Cộng	<u>361.601.858</u>	<u>318.895.557</u>

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.755.000	6.755.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.743.933	4.743.933
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.743.933	4.743.933

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2009

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	142.066	422.066
- Cổ phiếu phổ thông	142.066	422.066
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.601.867	4.321.867
- Cổ phiếu phổ thông	4.601.867	4.321.867
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng quỹ trong Quý I/2010</u>	<u>Chi quỹ trong Quý I/2010</u>	<u>Số cuối Quý I/2010</u>
Quỹ khen thưởng	19.450.000	2.150.000	-	21.600.000
Quỹ phúc lợi	-	-	-	-
Cộng	19.450.000	2.150.000	-	21.600.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số cuối Quý I/2009</u>
Tổng doanh thu	18.395.579.656	8.937.834.520
- Doanh thu tư vấn thiết kế	219.137.314	60.153.295
- Doanh thu xây dựng, dịch vụ xây lắp	3.107.030.451	1.814.619.409
- Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác	13.890.969.891	5.093.943.816
- Doanh thu cung cấp cáp	881.994.000	1.913.318.000
- Doanh thu dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng cabin điện thoại	296.448.000	55.800.000
Hàng bán trả lại	-	-
Doanh thu thuần	18.395.579.656	8.937.834.520
Trong đó:		
- Doanh thu thuần tư vấn thiết kế	219.137.314	60.153.295
- Doanh thu thuần xây dựng, dịch vụ xây lắp	3.107.030.451	1.814.619.409
- Doanh thu thuần bán hàng hóa và dịch vụ khác	13.890.969.891	5.093.943.816
- Doanh thu cung cấp cáp	881.994.000	1.913.318.000
- Doanh thu thuần dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng cabin điện thoại	296.448.000	55.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2009

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số cuối Quý I/2009</u>
Giá vốn tư vấn thiết kế	212.534.055	38.517.124
Giá vốn hoạt động xây dựng, xây lắp	2.634.642.772	1.520.549.170
Giá vốn cung cấp cấp	820.016.759	1.728.487.512
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	3.620.842.152	4.313.478.299
Cộng	<u>7.288.035.738</u>	<u>7.601.032.105</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số cuối Quý I/2009</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	46.085.037	167.425.192
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	688.211.833	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	80.389.000	1.566.843.300
Cộng	<u>814.685.870</u>	<u>1.660.123.977</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số cuối Quý I/2009</u>
Chi phí giao dịch chứng khoán	66.095.303	6.835.358
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	<u>66.095.303</u>	<u>6.835.358</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số cuối Quý I/2009</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	36.922.610	362.699.100
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	12.725.899	11.352.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.451.913	36.109.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	733.881.447	439.224.515
Chi phí khác	31.262.714	45.336.940
Cộng	<u>840.244.583</u>	<u>894.723.199</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số cuối Quý I/2009</u>
Chi phí nhân viên	171.100.000	140.898.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.838.297	31.496.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.844.250	126.665.634
Chi phí khác	65.243.486	39.902.417
Cộng	<u>384.026.033</u>	<u>338.962.318</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số cuối Quý I/2009</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.973.897.902	1.723.232.129
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2009

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số cuối Quý I/2009</u>
để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.973.897.902	1.723.232.129
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>4.459.801</u>	<u>4.414.257</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.788</u>	<u>390</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
	<u>Số cuối Quý I/2009</u>	<u>Số cuối Quý I/2009</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.321.867	1.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ việc chia cổ tức năm trước	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(142.066)	(17.536)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	<u>280.000</u>	<u>3.243.933</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân Quý I/2009	<u>4.459.801</u>	<u>4.726.397</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Số cuối Quý I/2010</u>	<u>Số cuối Quý I/2009</u>
Tiền lương, thưởng	43.200.000	46.882.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	<u>252.000</u>	<u>642.600</u>
Cộng	<u>43.452.000</u>	<u>47.524.600</u>

2. Thông tin khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2010

Nguyễn Thanh Phi
Kế toán trưởng

Phạm Đình Dũng
Tổng Giám đốc